

Số: 2018 /QĐ-NNH

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2012 - 2013

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục;

Căn cứ Quy định công tác thi đua khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quy chế Quản lý nguồn thu và Chi tiêu nội bộ được ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trường và theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2012 - 2013 cho cán bộ, viên chức của Trường có tên trong danh sách kèm theo (Chiến sỹ thi đua cơ sở: 437 người; Lao động tiên tiến: 528 người).

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cán bộ, viên chức được thưởng mức tiền thưởng là 1.150.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; 350.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của Trường.

Tổng số tiền thưởng là **687.350.000 đồng**

Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TTC-K, Trưởng các đơn vị liên quan và các cán bộ, viên chức có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Lưu VTTC, TC.



Trần Đức Viên

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
ĐẠT DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM HỌC 2012 - 2013
(Kèm theo Quyết định số 2018 /QĐ-NNH ngày 26 tháng 9 năm 2013)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
1	Chu Anh	Tiếp	1	Canh tác học	350,000	
2	Dương Văn	Sáng	1	Canh tác học	350,000	
3	Trần Thị	Thiêm	1	Canh tác học	350,000	
4	Vũ Thị Châu	Thu	1	Canh tác học	350,000	
5	Thiều Thị Phong	Thu	1	Canh tác học	350,000	
6	Nguyễn Đức	Huy	1	Bệnh cây	350,000	
7	Đỗ Trung	Kiên	1	Bệnh cây	350,000	
8	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	1	Bệnh cây	350,000	
9	Bùi Xuân	Sứu	1	Cây công nghiệp	350,000	
10	Vũ Ngọc	Thắng	1	Cây công nghiệp	350,000	
11	Lê Thị Hồng	Hạnh	1	Cây công nghiệp	350,000	
12	Nguyễn Thị Thanh	Hải	1	Cây công nghiệp	350,000	
13	Đinh Thái	Hoàng	1	Cây công nghiệp	350,000	
14	Bùi Thế	Khuynh	1	Cây công nghiệp	350,000	
15	Đào Văn	Dũng	1	Cây công nghiệp	350,000	
16	Nguyễn Thế	Hùng	1	Cây lương thực	350,000	
17	Nguyễn Thị	Tức	1	Cây lương thực	350,000	
18	Ngô Thị	Nguyệt	1	Cây lương thực	350,000	
19	Nguyễn Việt	Long	1	Cây lương thực	350,000	
20	Nguyễn Văn	Lộc	1	Cây lương thực	350,000	
21	Phan Thị Hồng	Nhung	1	Cây lương thực	350,000	
22	Trần Đình	Chiến	1	Côn trùng	350,000	
23	Nguyễn Thị	Thúy	1	Côn trùng	350,000	
24	Nguyễn Đức	Tùng	1	Côn trùng	350,000	
25	Nguyễn Đức	Khánh	1	Côn trùng	350,000	
26	Phạm Thị	Hiếu	1	Côn trùng	350,000	
27	Nguyễn Thị ái	Nghĩa	1	PP thí nghiệm và TK sinh học	350,000	
28	Nguyễn Thị Ngọc	Dinh	1	PP thí nghiệm và TK sinh học	350,000	
29	Phan Thị	Thủy	1	PP thí nghiệm và TK sinh học	350,000	
30	Lê Chí	Dân	1	Di truyền giống	350,000	
31	Nguyễn Thị Bích	Hồng	1	Di truyền giống	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
32	Vũ Thị Thuý	Hằng	1	Di truyền giống	350,000	
33	Nguyễn Tuấn	Anh	1	Di truyền giống	350,000	
34	Nguyễn Văn	Cương	1	Di truyền giống	350,000	
35	Phạm Thị	Ngọc	1	Di truyền giống	350,000	
36	Trần Thiện	Long	1	Di truyền giống	350,000	
37	Ngô Thị Hồng	Tươi	1	Di truyền giống	350,000	
38	Phạm Thị	Hương	1	Rau - Hoa - Quả	350,000	
39	Nông Thị Mai	Phương	1	Rau - Hoa - Quả	350,000	
40	Nguyễn Anh	Đức	1	Rau - Hoa - Quả	350,000	
41	Bùi Ngọc	Tấn	1	Rau - Hoa - Quả	350,000	
42	Đoàn Văn	Lư	1	Rau - Hoa - Quả	350,000	
43	Vũ Thanh	Hải	1	Rau - Hoa - Quả	350,000	
44	Vũ Quang	Sáng	1	Sinh lý thực vật	350,000	
45	Nguyễn Thị Bạch	Yến	1	Sinh lý thực vật	350,000	
46	Trần Anh	Tuấn	1	Sinh lý thực vật	350,000	
47	Phạm Tuấn	Anh	1	Sinh lý thực vật	350,000	
48	Nguyễn Thị Phương	Dung	1	Sinh lý thực vật	350,000	
49	Nguyễn Văn	Phú	1	Sinh lý thực vật	350,000	
50	Vũ Tiến	Bình	1	Sinh lý thực vật	350,000	
51	Hoàng Thị	Hiên	1	Thực vật	350,000	
52	Phạm Phú	Long	1	Thực vật	350,000	
53	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	1	Văn phòng Khoa Nông học	350,000	
54	Lê Văn	Sơn	1	Văn phòng Khoa Nông học	350,000	
55	Lê Đức	Hùng	1	Văn phòng Khoa Nông học	350,000	
56	Hoàng Ngọc	Hiếu	1	Văn phòng Khoa Nông học	350,000	
57	Trần Thanh	Hải	1	Văn phòng Khoa Nông học	350,000	
58	Nguyễn Thị	Nhâm	1	Văn phòng Khoa Nông học	350,000	
59	Trần Thị Vân	Anh	1	Văn phòng Khoa Nông học	350,000	
60	Hán Quang	Hạnh	2	Chăn nuôi chuyên khoa	350,000	
61	Lê Hữu	Hiếu	2	Chăn nuôi chuyên khoa	350,000	
62	Nguyễn Thị Dương	Huyền	2	Chăn nuôi chuyên khoa	350,000	
63	Nguyễn Thị	Xuân	2	Chăn nuôi chuyên khoa	350,000	
64	Nguyễn Ngọc	Bằng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	350,000	
65	Đỗ Đức	Lực	2	Di truyền Giống gia súc	350,000	
66	Đinh Văn	Chinh	2	Di truyền Giống gia súc	350,000	
67	Nguyễn Hoàng	Thịnh	2	Di truyền Giống gia súc	350,000	
68	Chu Tuấn	Thịnh	2	Di truyền Giống gia súc	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
69	Dương Thu	Hương	2	Sinh học động vật	350,000	
70	Trần Bích	Phương	2	Sinh học động vật	350,000	
71	Nguyễn Thị	Mai	2	Sinh học động vật	350,000	
72	Võ Quí	Hoan	2	Nuôi trồng thủy sản	350,000	
73	Vũ Hồng	Châu	2	Nuôi trồng thủy sản	350,000	
74	Trần ánh	Tuyết	2	Nuôi trồng thủy sản	350,000	
75	Nguyễn Thị	Mai	2	Nuôi trồng thủy sản	350,000	
76	Cù Thị Thiên	Thu	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	350,000	
77	Nguyễn Thị Phương	Giang	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	350,000	
78	Ngô Thị	Thùy	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	350,000	
79	Đỗ Thị	Khuyên	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	350,000	
80	Bùi Huy	Doanh	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	350,000	
81	Nguyễn Bá	Hiếu	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	350,000	
82	Phạm Thị Lam	Hồng	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	350,000	
83	Trịnh Thị	Trang	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	350,000	
84	Trần Danh	Mạnh	2	Trại Chăn nuôi	350,000	
85	Giang Hoàng	Hà	2	Trại Chăn nuôi	350,000	
86	Nguyễn Văn	Thông	2	Trại Chăn nuôi	350,000	
87	Lê Văn	Muôn	2	Văn phòng	350,000	
88	Nguyễn Thị	Xuyên	2	Văn phòng	350,000	
89	Bùi Thị	Bích	2	Phòng TN Trung tâm	350,000	
90	Nguyễn Thị	Thu	2	Phòng TN Trung tâm	350,000	
91	Vũ Trà	My	2	Phòng TN Trung tâm	350,000	
92	Nhữ Ngọc	Hùng	2	Bảo vệ	350,000	
93	Nguyễn Bá	Chung	2	Bảo vệ	350,000	
94	Bùi Văn	Sáng	2	Bảo vệ	350,000	
95	Đặng Văn	Chương	2	Bảo vệ	350,000	
96	Ngô Xuân	Bắc	3	Hoá học	350,000	
97	Nguyễn Thị Hồng	Linh	3	Hoá học	350,000	
98	Nguyễn Văn	Thắng	3	Hoá học	350,000	
99	Trần Thanh	Hải	3	Hoá học	350,000	
100	Nguyễn Ngọc	Kiên	3	Hoá học	350,000	
101	Phùng Thị	Vinh	3	Hoá học	350,000	
102	Bùi Thị Thu	Trang	3	Hoá học	350,000	
103	Nguyễn Thị	Hiền	3	Hoá học	350,000	
104	Vũ Thị	Huyền	3	Hóa học	350,000	
105	Hán Thị Phương	Nga	3	Hóa học	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
106	Trần Thị Lệ	Hà	3	Khoa học đất	350,000	
107	Trần Văn	Chính	3	Khoa học đất	350,000	
108	Nguyễn Thị	Luyện	3	Khoa học đất	350,000	
109	Luyện Hữu	Cử	3	Khoa học đất	350,000	
110	Đinh Hồng	Duyên	3	Vi sinh vật	350,000	
111	Vũ Thị Xuân	Hương	3	Vi sinh vật	350,000	
112	Nguyễn Tất	Tổ	3	Tài nguyên nước	350,000	
113	Ngô Thanh	Sơn	3	Tài nguyên nước	350,000	
114	Nguyễn Thị	Giang	3	Tài nguyên nước	350,000	
115	Ngô Thị	Dung	3	Tài nguyên nước	350,000	
116	Vũ Thị	Xuân	3	Tài nguyên nước	350,000	
117	Đỗ Văn	Nhạ	3	Quy hoạch đất	350,000	
118	Vũ Thị	Thu	3	Quy hoạch đất	350,000	
119	Đỗ Thị Đức	Hạnh	3	Quản lý đất đai	350,000	
120	Hồ Thị Lam	Trà	3	Quản lý đất đai	350,000	
121	Phạm Văn	Vân	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	350,000	
122	Phan Thành	Nội	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	350,000	
123	Nguyễn Đức	Thuận	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	350,000	
124	Nguyễn Đình	Thị	3	Sinh thái nông nghiệp	350,000	
125	Nguyễn Xuân	Xanh	3	Sinh thái nông nghiệp	350,000	
126	Nguyễn Thu	Thùy	3	Sinh thái nông nghiệp	350,000	
127	Phan Thị	Thúy	3	Sinh thái nông nghiệp	350,000	
128	Phan Thị Hải	Luyện	3	Sinh thái nông nghiệp	350,000	
129	Nguyễn Tuyết	Lan	3	Sinh thái nông nghiệp	350,000	
130	Phạm Văn	Hội	3	Sinh thái nông nghiệp	350,000	
131	Đỗ Thuý	Nguyên	3	Công nghệ môi trường	350,000	
132	Hồ Thị Thúy	Hằng	3	Công nghệ môi trường	350,000	
133	Nguyễn Thị	Khánh	3	Công nghệ môi trường	350,000	
134	Lý Thị Thu	Hà	3	Công nghệ môi trường	350,000	
135	Võ Thị Ngọc	Bích	3	Nông hóa	350,000	
136	Nguyễn Văn	Hiền	3	Nông hóa	350,000	
137	Nguyễn Thị Lan	Anh	3	Nông hoá	350,000	
138	Nguyễn Văn	Thao	3	Nông hoá	350,000	
139	Đinh Thị Hải	Vân	3	Quản lý môi trường	350,000	
140	Trần Nguyên	Bằng	3	Quản lý môi trường	350,000	
141	Nguyễn Thị Bích	Hà	3	Quản lý môi trường	350,000	
142	Lương Đức	Anh	3	Quản lý môi trường	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
143	Nguyễn Thị Hương	Giang	3	Quản lý môi trường	350,000	
144	Hoàng Thị	Hương	3	Văn phòng Khoa TN và MT	350,000	
145	Nguyễn Chung	Thông	4	Cơ học kỹ thuật	350,000	
146	Nguyễn Thị	Hiên	4	Cơ sở kỹ thuật điện	350,000	
147	Ngô Đăng	Huỳnh	4	Công nghệ cơ khí	350,000	
148	Đỗ Đình	Thi	4	Máy nông nghiệp	350,000	
149	Lê Văn	Dũng	4	Máy nông nghiệp	350,000	
150	Trần Như	Khánh	4	TB bảo quản và CBNS	350,000	
151	Phạm Đức	Nghĩa	4	TB bảo quản và CBNS	350,000	
152	Đặng Thị Thúy	Huyền	4	Tự động hóa	350,000	
153	Bùi Quốc	Huy	4	Tự động hóa	350,000	
154	Vũ Hải	Thuận	4	Hệ thống điện	350,000	
155	Đỗ Hữu	Duật	4	Hệ thống điện	350,000	
156	Nguyễn Xuân	Trường	4	Hệ thống điện	350,000	
157	Phạm Thị Lan	Hương	4	Hệ thống điện	350,000	
158	Hoàng Phi	Hùng	4	Văn phòng Khoa	350,000	
159	Trần Thị Thuý	An	4	Văn phòng Khoa	350,000	
160	Bùi Thị Lan	Hương	4	Văn phòng Khoa	350,000	
161	Lương Thị	Dân	5	Kinh tế	350,000	
162	Nguyễn Thị Huyền	Châm	5	Kinh tế	350,000	
163	Đoàn Bích	Hạnh	5	Kinh tế	350,000	
164	Đồng Thanh	Mai	5	Kinh tế	350,000	
165	Trần Đức	Trí	5	Kinh tế	350,000	
166	Phạm Thanh	Lan	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	350,000	
167	Nguyễn Thị Hải	Ninh	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	350,000	
168	Đỗ Thị	Diệp	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	350,000	
169	Lê Phương	Nam	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	350,000	
170	Lê Thị Long	Vỹ	5	Phân tích định lượng	350,000	
171	Hồ Ngọc	Ninh	5	Phân tích định lượng	350,000	
172	Nguyễn Thị Huyền	Trang	5	Phân tích định lượng	350,000	
173	Nguyễn Thị	Lý	5	Phân tích định lượng	350,000	
174	Bùi Văn	Quang	5	Phân tích định lượng	350,000	
175	Nguyễn Thị	Nhuân	5	Phân tích định lượng	350,000	
176	Nguyễn Thị	Thiêm	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	350,000	
177	Trần Thị Như	Ngọc	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	350,000	
178	Nguyễn Doãn	Lâm	5	Văn phòng Khoa KT và PTNT	350,000	
179	Nguyễn Ngọc	Diệp	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
180	Nguyễn Thị Thanh	Minh	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	350,000	
181	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	350,000	
182	Đỗ Thị	Hạnh	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	350,000	
183	Nguyễn Thị	Son	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	350,000	
184	Vũ Hải	Hà	6	Đường lối CM của ĐCSVN	350,000	
185	Hà Thị Hồng	Yến	6	Đường lối CM của ĐCSVN	350,000	
186	Nguyễn Thị	Khanh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	350,000	
187	Hoàng Văn	Bình	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	350,000	
188	Trần Thị	Mai	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	350,000	
189	Nguyễn Thị	Ngân	6	Pháp luật	350,000	
190	Lê Thị Thu	Hằng	6	Pháp luật	350,000	
191	Nguyễn Thị Lập	Thu	6	Xã hội học	350,000	
192	Trần Thanh	Hương	6	Xã hội học	350,000	
193	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	7	Phương pháp giáo dục	350,000	
194	Bùi Thị Hải	Yến	7	Phương pháp giáo dục	350,000	
195	Phạm Thị Tuyết	Thanh	7	Ngoại ngữ	350,000	
196	Hà Thị	Lan	7	Ngoại ngữ	350,000	
197	Nguyễn Thị Minh	Tâm	7	Ngoại ngữ	350,000	
198	Vũ Thị Minh	Châu	7	Ngoại ngữ	350,000	
199	Phạm Thị Thanh	Nga	7	Ngoại ngữ	350,000	
200	Bùi Thị	Là	7	Ngoại ngữ	350,000	
201	Phạm Thị Thanh	Xuân	7	Ngoại ngữ	350,000	
202	Nguyễn Thị Lan	Anh	7	Ngoại ngữ	350,000	
203	Trần Thanh	Phương	7	Ngoại ngữ	350,000	
204	Trần Thị Thu	Hiền	7	Ngoại ngữ	350,000	
205	Trần Thị Tuyết	Mai	7	Ngoại ngữ	350,000	
206	Phạm Hương	Lan	7	Ngoại ngữ	350,000	
207	Phạm Thị	Hạnh	7	Ngoại ngữ	350,000	
208	Lê Thị Hồng	Lam	7	Ngoại ngữ	350,000	
209	Vũ Thị	Hương	7	Ngoại ngữ	350,000	
210	Cao Thị Ngọc	Mậu	7	Ngoại ngữ	350,000	
211	Trần Thị Hà	Nghĩa	7	Tâm lý	350,000	
212	Ngô Xuân	Mạnh	8	HS-CN sinh học thực phẩm	350,000	
213	Hoàng Hải	Hà	8	HS-CN sinh học thực phẩm	350,000	
214	Nguyễn Xuân	Bắc	8	HS-CN sinh học thực phẩm	350,000	
215	Nguyễn Văn	Lâm	8	HS-CN sinh học thực phẩm	350,000	
216	Vũ Thị	Hằng	8	HS-CN sinh học thực phẩm	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
217	Ngô Xuân	Trung	8	HS-CN sinh học thực phẩm	350,000	
218	Trần Thị	Định	8	Công nghệ chế biến	350,000	
219	Giang Trung	Khoa	8	Công nghệ chế biến	350,000	
220	Nguyễn Đức	Doan	8	Công nghệ chế biến	350,000	
221	Nguyễn Xuân	Bang	8	Công nghệ chế biến	350,000	
222	Trần Thị Thu	Hằng	8	Công nghệ chế biến	350,000	
223	Nguyễn Thị Thanh	Hương	8	Công nghệ chế biến	350,000	
224	Vũ Quỳnh	Hương	8	Công nghệ chế biến	350,000	
225	Đinh Thị	Hiền	8	Công nghệ chế biến	350,000	
226	Lê Văn	Tinh	8	Công nghệ Sau thu hoạch	350,000	
227	Nguyễn Mạnh	Khải	8	Công nghệ Sau thu hoạch	350,000	
228	Nguyễn Thị	Hồng	8	Công nghệ Sau thu hoạch	350,000	
229	Nguyễn Thị Thu	Nga	8	Công nghệ Sau thu hoạch	350,000	
230	Nguyễn Thị Liên	Minh	8	Công nghệ Sau thu hoạch	350,000	
231	Lê Minh	Nguyệt	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	350,000	
232	Ngô Xuân	Dũng	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	350,000	
233	Nguyễn Trường	Thành	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	350,000	
234	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	9	Ký sinh trùng	350,000	
235	Nguyễn Thị Hồng	Chiên	9	Ký sinh trùng	350,000	
236	Trần Hải	Thanh	9	Ký sinh trùng	350,000	
237	Nguyễn Thị	Phương	9	Nội - Chẩn - Dược lý	350,000	
238	Nguyễn Văn	Minh	9	Nội - Chẩn - Dược lý	350,000	
239	Trần Thị	ánh	9	Nội - Chẩn - Dược lý	350,000	
240	Nguyễn Thị	Hằng	9	Nội - Chẩn - Dược lý	350,000	
241	Nguyễn Mạnh	Tường	9	Nội - Chẩn - Dược lý	350,000	
242	Trần Tiến	Dũng	9	Ngoại sản	350,000	
243	Nguyễn Hoài	Nam	9	Ngoại sản	350,000	
244	Nguyễn Thị Mai	Thơ	9	Ngoại sản	350,000	
245	Đỗ Thị Kim	Lành	9	Ngoại sản	350,000	
246	Nguyễn Đức	Trường	9	Ngoại sản	350,000	
247	Nguyễn Công	Toán	9	Ngoại sản	350,000	
248	Trần Thị Đức	Tám	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	
249	Nguyễn Thị Kim	Thoa	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	
250	Hoàng Minh	Son	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	
251	Nguyễn Thị Minh	Phương	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	
252	Phạm Hồng	Trang	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	
253	Lê Ngọc	Ninh	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
254	Nguyễn Văn	Diệp	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	
255	Vũ Đức	Hạnh	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	350,000	
256	Ngô Minh	Hà	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	350,000	
257	Đặng Hữu	Anh	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	350,000	
258	Lê Văn	Trường	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	350,000	
259	Vũ Thị	Ngọc	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	350,000	
260	Lê Văn	Phan	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	350,000	
261	Dương Văn	Nhiệm	9	Thú y cộng đồng	350,000	
262	Nguyễn Thu	Thủy	9	Thú y cộng đồng	350,000	
263	Nguyễn Thị	Trang	9	Thú y cộng đồng	350,000	
264	Vũ Thị Thu	Trà	9	Thú y cộng đồng	350,000	
265	Đồng Văn	Hiếu	9	Thú y cộng đồng	350,000	
266	Hoàng Minh	Đức	9	Thú y cộng đồng	350,000	
267	Nguyễn Thị Hương	Giang	9	Thú y cộng đồng	350,000	
268	Bùi Thị Tổ	Nga	9	Bệnh lý thú y	350,000	
269	Trần Minh	Hải	9	Bệnh lý thú y	350,000	
270	Nguyễn Phương	Nhung	9	Bệnh lý thú y	350,000	
271	Nguyễn Bá	Minh	9	Bệnh viện Thú y	350,000	
272	Phạm Việt	Nga	10	Toán học	350,000	
273	Bùi Nguyên	Viễn	10	Toán học	350,000	
274	Đào Thu	Huyền	10	Toán học	350,000	
275	Nguyễn Văn	Hạnh	10	Toán học	350,000	
276	Nguyễn Thủy	Hằng	10	Toán học	350,000	
277	Vũ Thị Thu	Giang	10	Toán học	350,000	
278	Nguyễn Thị	Huyền B	10	Toán học	350,000	
279	Lê Thị	Hạnh	10	Toán học	350,000	
280	Nguyễn Hữu	Hải	10	Toán học	350,000	
281	Thân Ngọc	Thành	10	Toán học	350,000	
282	Nguyễn Hà	Thanh	10	Toán học	350,000	
283	Nguyễn Hữu	Du	10	Toán học	350,000	
284	Nguyễn Tiến	Hiển	10	Vật lý	350,000	
285	Lương Minh	Quân	10	Vật lý	350,000	
286	Lê Phương	Thảo	10	Vật lý	350,000	
287	Phạm Thủy	Vân	10	Công nghệ phần mềm	350,000	
288	Đào Trọng	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	350,000	
289	Đặng Xuân	Hà	10	Công nghệ phần mềm	350,000	
290	Lê Thị Minh	Thùy	10	Công nghệ phần mềm	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
291	Phan Trọng	Tiến	10	Công nghệ phần mềm	350,000	
292	Đỗ Thị	Nhâm	10	Công nghệ phần mềm	350,000	
293	Trần Thị Thu	Huyền	10	Khoa học máy tính	350,000	
294	Ngô Tuấn	Anh	10	Khoa học máy tính	350,000	
295	Trần Vũ	Hà	10	Khoa học máy tính	350,000	
296	Vũ Thị	Lưu	10	Khoa học máy tính	350,000	
297	Nguyễn Thị	Thủy	10	Khoa học máy tính	350,000	
298	Nguyễn Văn	Hoàng	10	Khoa học máy tính	350,000	
299	Phạm Quang	Dũng	10	Khoa học máy tính	350,000	
300	Nguyễn Thị	Huyền	10	Khoa học máy tính	350,000	
301	Hoàng Thị Thanh	Giang	10	Toán - Tin ứng dụng	350,000	
302	Nguyễn Hoàng	Huy	10	Toán - Tin ứng dụng	350,000	
303	Dương Thị Hồng	Vân	10	Toán - Tin ứng dụng	350,000	
304	Lê Thị Minh	Châu	11	Kế toán tài chính	350,000	
305	Nguyễn Thị	Thủy	11	Kế toán tài chính	350,000	
306	Nguyễn Đăng	Học	11	Kế toán tài chính	350,000	
307	Trần Thị	Thương	11	Kế toán tài chính	350,000	
308	Phan Lê	Trang	11	Kế toán tài chính	350,000	
309	Hoàng Thị Mai	Anh	11	Kế toán tài chính	350,000	
310	Nguyễn Đăng	Tùng	11	Tài chính	350,000	
311	Hoàng Sĩ	Thính	11	Tài chính	350,000	
312	Nguyễn Thị	Hương	11	Tài chính	350,000	
313	Đào Thị Hoàng	Anh	11	Tài chính	350,000	
314	Đặng Thị Hải	Yến	11	Tài chính	350,000	
315	Bùi Thị Hồng	Nhung	11	Tài chính	350,000	
316	Trần Thị Thu	Hương	11	Marketing	350,000	
317	Nguyễn Văn	Phương	11	Marketing	350,000	
318	Nguyễn Thị Trang	Nhung	11	Marketing	350,000	
319	Đặng Thị Kim	Hoa	11	Marketing	350,000	
320	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	11	Marketing	350,000	
321	Đỗ Thị Tuyết	Mai	11	Marketing	350,000	
322	Bùi Hồng	Quý	11	Marketing	350,000	
323	Phạm Thị Hương	Dịu	11	Quản trị kinh doanh	350,000	
324	Bùi Kim	Anh	11	Quản trị kinh doanh	350,000	
325	Bùi Thị	Nga	11	Quản trị kinh doanh	350,000	
326	Đổng Đạo	Dũng	11	Quản trị kinh doanh	350,000	
327	Lê Thị Thu	Hương	11	Quản trị kinh doanh	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
328	Trần Thị Thanh	Huyền	11	Quản trị kinh doanh	350,000	
329	Đoàn Thị Ngọc	Thúy	11	Quản trị kinh doanh	350,000	
330	Lê Thị Kim	Oanh	11	Quản trị kinh doanh	350,000	
331	Vũ Thị	Hải	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	350,000	
332	Lại Phương	Thảo	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	350,000	
333	Bùi Thị Mai	Linh	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	350,000	
334	Nguyễn Thị Thùy	Dung	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	350,000	
335	Lê Thanh	Hà	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	350,000	
336	Nguyễn Thị Thu	Trang	11	Văn phòng	350,000	
337	Lê Thị	Minh	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	350,000	
338	Nguyễn Quốc	Trung	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	350,000	
339	Trịnh Thị Thu	Thủy	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	350,000	
340	Ninh Thị	Thảo	12	Công nghệ sinh học thực vật	350,000	
341	Nông Thị	Huệ	12	Công nghệ sinh học thực vật	350,000	
342	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12	Công nghệ sinh học thực vật	350,000	
343	Trần Thị Bình	Nguyên	12	Công nghệ sinh học động vật	350,000	
344	Nguyễn Tổ	Loan	12	Công nghệ sinh học động vật	350,000	
345	Phạm Thu	Giang	12	Công nghệ sinh học động vật	350,000	
346	Nguyễn Hữu	Đức	12	Công nghệ sinh học động vật	350,000	
347	Ngô Thu	Hà	12	Công nghệ sinh học động vật	350,000	
348	Đặng Xuân	Nghiêm	12	Công nghệ vi sinh	350,000	
349	Nguyễn Văn	Giang	12	Công nghệ vi sinh	350,000	
350	Nguyễn Thị Thuý	Hạnh	12	Sinh học	350,000	
351	Nguyễn Thị Bích	Lưu	12	Sinh học	350,000	
352	Đồng Huy	Giới	12	Sinh học	350,000	
353	Trần Thị Thu	Huyền	12	Văn phòng Khoa CNSH	350,000	
354	Vũ Thị Xuân	Bình	13	Phòng Khoa học công nghệ	350,000	
355	Hoàng Đăng	Dũng	13	Phòng Khoa học công nghệ	350,000	
356	Phạm Thị	Thúy	14	Tài chính - Kế toán	350,000	
357	Vũ Đình	Tâm	14	Tài chính - Kế toán	350,000	
358	Nguyễn Thị Thuý	Dung	14	Tài chính - Kế toán	350,000	
359	Vũ Thị	Trang	14	Tài chính - Kế toán	350,000	
360	Ngô Thị Minh	Nguyệt	15	TCCB	350,000	
361	Hoàng Văn	Sỹ	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
362	Dương Thị	Thường	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
363	Hoàng Ngọc	Huyền	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
364	Nguyễn Khánh	Thọ	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
365	Nguyễn Văn	Phơ	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
366	Nguyễn Thị Thu	Hà	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
367	Nguyễn Thị	Lương	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
368	Lê Thị	Soi	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
369	Nguyễn Thị	Tuyết	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
370	Trần Thanh	Hà	16	Ban Quản lý đào tạo	350,000	
371	Lê Thị Bích	Liên	17	Phòng Hợp tác quốc tế	350,000	
372	Dương Thị Minh	Phượng	17	Phòng Hợp tác quốc tế	350,000	
373	Trần Tất	Nhật	18	VT-HC	350,000	
374	Bùi Duy	Sơn	18	VT-HC	350,000	
375	Trần Hồng	Nhật	18	VT-HC	350,000	
376	Trần	Hạnh	18	VT-HC	350,000	
377	Trương Thị	Thắng	18	VT-HC	350,000	
378	Trần Văn	Hải	18	Đội xe	350,000	
379	Bùi Trung	Lương	18	Đội xe	350,000	
380	Hoàng Ngọc	Lâm	18	Đội xe	350,000	
381	Dương Ngọc	Anh	18	Đội xe	350,000	
382	Nguyễn Xuân	Bình	18	Đội xe	350,000	
383	Nguyễn Di	Tuấn	18	Đội xe	350,000	
384	Bùi Đăng	Lưu	18	Đội xe	350,000	
385	Đào Xuân	ánh	19	Văn phòng	350,000	
386	Vũ Thị	Dân	19	Văn phòng	350,000	
387	Hồ Hồng	Thái	19	Văn phòng	350,000	
388	Lê Thị	Vân	19	Văn phòng	350,000	
389	Nguyễn Tô	Vũ	19	Văn phòng	350,000	
390	Nguyễn Thị	Hà	19	Văn phòng	350,000	
391	Nguyễn Thanh	Hải	19	Điện nước	350,000	
392	Hồ Bắc	Sơn	19	Điện nước	350,000	
393	Nguyễn Đức	Quang	19	Điện nước	350,000	
394	Nguyễn Văn	Mạnh	19	Điện nước	350,000	
395	Nguyễn Thế	Toàn	19	Điện nước	350,000	
396	Trịnh Việt	ánh	19	Điện nước	350,000	
397	Cao Hùng	Dũng	20	Giáo dục thể chất	350,000	
398	Nguyễn Ninh	Thành	20	Giáo dục thể chất	350,000	
399	Trần Văn	Tác	20	Giáo dục thể chất	350,000	
400	Hoàng Văn	Hưng	20	Giáo dục thể chất	350,000	
401	Nguyễn Xuân	Cử	20	Giáo dục thể chất	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
402	Trần Văn	Hậu	20	Giáo dục thể chất	350,000	
403	Đào Quang	Trung	20	Giáo dục thể chất	350,000	
404	Lương Thanh	Hoa	20	Giáo dục thể chất	350,000	
405	Nguyễn Thế	Hãnh	20	Giáo dục thể chất	350,000	
406	Cao Trường	Giang	20	Giáo dục thể chất	350,000	
407	Nguyễn Ngọc	ánh	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
408	Đỗ Xuân	Thắm	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
409	Nguyễn Năng	Bình	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
410	Nguyễn Thị Tuyết	Son	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
411	Nguyễn Thu	Hằng	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
412	Vũ Thị Thanh	Huyền	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
413	Nguyễn Xuân	Hạnh	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
414	Nguyễn Phương	Liên	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
415	Mai Thị Thanh	Tuyền	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
416	Bùi Đạo	Tĩnh	21	Phòng CTCT và CTSV	350,000	
417	Nguyễn Viết	Duy	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
418	Bùi Thị	Hương	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
419	Phạm Thị Hồng	Nhung	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
420	Vũ Thị Hồng	Lan	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
421	Trần Thị	Nga	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
422	Mai Thị	Hiền	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
423	Lã Thị Thanh	Nga	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
424	Nguyễn Thị Phương	Lan	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
425	Nguyễn Thị Thanh	Bình	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
426	Phạm Thị	Luyến	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
427	Lê Hồng	Giang	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
428	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
429	Bùi Thị Thúy	Hải	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	350,000	
430	Nguyễn Văn	Chung	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
431	Hoàng Văn	Thêm	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
432	Nguyễn Xuân	Bách	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
433	Hoàng Mạnh	Long	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
434	Nguyễn Văn	Thiện	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
435	Nguyễn Văn	Phương	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
436	Trần Văn	Quốc	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
437	Nguyễn Thái	Quý	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
438	Ngô Quang	Thắng	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
439	Lâm Quang	Đoan	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
440	Lê Anh	Tuấn	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
441	Trịnh Xuân	Hoàng	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
442	Mai Xuân	Hùng	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
443	Vũ Anh	Mạnh	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
444	Vũ Văn	Minh	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
445	Huỳnh Phú	Hà	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
446	Nguyễn Văn	Huấn	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
447	Đỗ Minh	Hải	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
448	Nguyễn Thị Hoài	Hương	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
449	Ngô Quang	Long	23	Giáo dục quốc phòng	350,000	
450	Lương Văn	Vượt	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐB chất l	350,000	
451	Nguyễn Thị Hương	Thom	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐB chất l	350,000	
452	Nguyễn Thị	Thu	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐB chất l	350,000	
453	Lê Thị	Hải	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐB chất l	350,000	
454	Trịnh Hồng	Kiên	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐB chất l	350,000	
455	Nguyễn Phương	Dung	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐB chất l	350,000	
456	Cao Văn	Tấn	25	Bảo vệ	350,000	
457	Lê Văn	Thành	25	Bảo vệ	350,000	
458	Nguyễn Văn	Hành	25	Bảo vệ	350,000	
459	Nguyễn Quốc	Trọng	25	Bảo vệ	350,000	
460	Nguyễn Ngọc	ánh	25	Bảo vệ	350,000	
461	Lê Văn	Bích	25	Bảo vệ	350,000	
462	Nguyễn Viết	Thễn	25	Bảo vệ	350,000	
463	Đặng Quang	ứng	25	Bảo vệ	350,000	
464	Nguyễn Văn	Kiên	25	Bảo vệ	350,000	
465	Bùi Văn	Đức	25	Bảo vệ	350,000	
466	Đoàn Bảo	Trúc	25	Bảo vệ	350,000	
467	Võ Văn	Ngà	25	Bảo vệ	350,000	
468	Vũ Chung	Kiên	25	Bảo vệ	350,000	
469	Đặng Bá	Trung	25	Bảo vệ	350,000	
470	Nguyễn Quang	Tinh	25	Bảo vệ	350,000	
471	Nguyễn Văn	Nam	25	Bảo vệ	350,000	
472	Vũ Đình	Hiền	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	350,000	
473	Dương Huy	Thanh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	350,000	
474	Hà Thị Phương	Mai	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	350,000	
475	Nguyễn Thị Thanh	Tuấn	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
476	Lưu Văn	Huy	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	350,000	
477	Đinh Thế	Duy	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	350,000	
478	Nguyễn Văn	Đoàn	27	Trạm Y tế	350,000	
479	Nguyễn Thị Như	Hoa	27	Trạm Y tế	350,000	
480	Lương Thị	Yến	27	Trạm Y tế	350,000	
481	Nguyễn Thị	Thơ	27	Trạm Y tế	350,000	
482	Nguyễn Văn	Quân	28	CT Tư vấn và DVKHNN I	350,000	
483	Nguyễn Đăng	Thắng	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	350,000	
484	Ngô Quốc	Vương	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	350,000	
485	Trần Thị	Huệ	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	350,000	
486	Phạm Chí	Chung	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	350,000	
487	Lê Trường	Giang	30	KTX Sinh viên	350,000	
488	Nguyễn Thị	Châu	30	KTX Sinh viên	350,000	
489	Bùi Trung	Son	30	KTX Sinh viên	350,000	
490	Nguyễn Thị Việt	Anh	30	KTX Sinh viên	350,000	
491	Vũ Thị	Chung	30	KTX Sinh viên	350,000	
492	Trần Thị Khánh	Vân	30	KTX Sinh viên	350,000	
493	Nguyễn Thị Thu	Hường	30	KTX Sinh viên	350,000	
494	Lê Văn	Nhường	30	Giảng đường	350,000	
495	Nguyễn Hồng	Thúy	30	Giảng đường	350,000	
496	Nguyễn Quốc	Hoàng	30	Giảng đường	350,000	
497	Đỗ Thị	Hương	30	Giảng đường	350,000	
498	Trần Thị Ngọc	Hà	30	Giảng đường	350,000	
499	Nguyễn Thị	Bình	30	Giảng đường	350,000	
500	Dương Thị	Ngát	30	Giảng đường	350,000	
501	Nguyễn Thị	Hoa	30	Giảng đường	350,000	
502	Nguyễn Thị	Minh	30	Giảng đường	350,000	
503	Nguyễn Thị	Thanh	30	Giảng đường	350,000	
504	Lương Thị	Tuyết	30	Giảng đường	350,000	
505	Lê Thị	Bình	30	Giảng đường	350,000	
506	Dương Quang	Hiền	30	Giảng đường	350,000	
507	Đỗ Thị	Xuân	30	Giảng đường	350,000	
508	Nguyễn Thị	Tuyền	30	Giảng đường	350,000	
509	Nguyễn Đức	Thiện	30	Giảng đường	350,000	
510	Đặng Thị	Nhung	30	Giảng đường	350,000	
511	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	30	Giảng đường	350,000	
512	Phạm Đức	Ngà	30	Giảng đường	350,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
513	Đoàn Tử	Duẩn	30	Giảng đường	350,000	
514	Nguyễn Thị Kim	Minh	30	Môi trường	350,000	
515	Lê Thị	Chiến	30	Môi trường	350,000	
516	Đặng Văn	Đính	30	Môi trường	350,000	
517	Nguyễn Đình	Phi	30	Môi trường	350,000	
518	Nguyễn Đỗ	Thảo	30	Quản lý dịch vụ	350,000	
519	Hoàng Tiến	Nhật	30	Quản lý dịch vụ	350,000	
520	Trần Thế	Hùng	30	Quản lý dịch vụ	350,000	
521	Nguyễn Văn	Hải	30	Quản lý dịch vụ	350,000	
522	Nguyễn Mạnh	Thước	30	Quản lý dịch vụ	350,000	
523	Tôn Nữ Tuyết	Lan	30	Quản lý dịch vụ	350,000	
524	Lê Văn	Ninh	30	Sửa chữa	350,000	
525	Nguyễn Đức	Minh	30	Sửa chữa	350,000	
526	Trần Huy	Sùng	35	TT Dạy nghề và ứng dụng KT cao	350,000	
527	Nguyễn Hữu	Thuần	35	TT Dạy nghề và ứng dụng KT cao	350,000	
528	Bùi Thị	Dinh	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	350,000	
Cộng					184,800,000	

Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng./.

Danh sách này có 528 cán bộ, viên chức